

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

Tên tiếng anh: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TOP ONE., JSC

Mã chứng khoán: TOP (UpCom)

Trụ sở chính: Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Nay là Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2023, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 04/01/2023, Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2023)
Ông	Vũ Đình Phúc	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 04/01/2023)
Ông	Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)
Ông	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông	Trần Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023)
Ông	Chu Xuân Lai	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2023)
Ông	Ngô Văn Hanh	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông	Đặng Đức Lợi	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)
Ông	Đỗ Xuân Long	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)
Ông	Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)
Ông	Vũ Văn Thuận	Thành viên độc lập	(Bổ nhiệm từ ngày 13/10/2024)
Ông	Nguyễn Bình Minh	Thành viên độc lập	(Bổ nhiệm từ ngày 08/10/2023, Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2024)
Ông	Trần Anh Tuấn	Thành viên độc lập	(Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)
Ông	Lưu Quang Hưng	Thành viên độc lập	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2023)

Ban Kiểm soát

Ông	Phạm Bá Trường	Trưởng ban	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)
Ông	Vũ Khắc Thu	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)
Bà	Trần Thị Tâm	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)
Ông	Vũ Văn Hưng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)
Bà	Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)
Ông	Phạm Cao Cường	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)

Ủy ban Kiểm toán

Ông	Vũ Văn Thuận	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2024)
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2023)
Ông	Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2023, Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2024)

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông	Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 24/05/2023, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông	Đặng Đức Lợi	Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 06/09/2022, Miễn nhiệm từ ngày 24/05/2023)
Ông	Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 06/09/2022)
Bà	Đinh Thị Minh Thuận	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm từ ngày 19/09/2024)
Bà	Trương Thị Thanh	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm từ ngày 07/08/2024, Miễn nhiệm từ ngày 19/09/2024)

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Tiếp theo)**Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Tiếp theo)**

Bà	Tống Thị Lư	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2024, Miễn nhiệm từ ngày 07/08/2024)
Bà	Trương Thị Thanh	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2022, Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2024)
Ông	Bùi Quốc Tuấn	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm từ ngày 31/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2022)
Bà	Đỗ Thị Thanh Xuân	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc	(Từ ngày 03/07/2024 đến hiện tại)
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch HĐQT	(Từ ngày 03/07/2024 đến hiện tại)
Ông	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	(Từ ngày 24/05/2023 đến ngày 03/07/2024)
Ông	Đặng Đức Lợi	Giám đốc	(Từ ngày 06/09/2022 đến ngày 24/05/2023)
Ông	Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc	(Từ ngày 12/07/2021 đến ngày 06/09/2022)

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC ("MOORE AISIC") đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

**Số: B1225229-2023/MOOREAISHN-TC****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi****QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One được lập ngày tháng 01 năm 2026, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 Công ty có các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang số tiền 122.879.624.000 đồng, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 số tiền 17.280.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 số tiền 17.280.000.000 đồng. Tuy nhiên chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến tính hiện hữu, tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ, cũng như đánh giá giá trị hợp lý liên quan đến các khoản đầu tư này. Thêm vào đó việc đầu tư vào các khoản đầu tư này cũng đang là đối tượng khởi kiện của nhóm cổ đông công ty liên quan đến hành vi "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Ban lãnh đạo cũ (chi tiết tại Thuyết minh số 1, mục VIII Thông tin khác), đến thời điểm hiện tại vụ kiện này đã kết thúc quá trình điều tra và đang chuẩn bị đưa ra xét xử. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác tuy nhiên các thủ tục này không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến đối với các khoản đầu tư nêu trên. Vì vậy chúng tôi không có đầy đủ căn cứ để đưa ý kiến về các khoản đầu tư này và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Do được bổ nhiệm sau thời điểm kết thúc năm tài chính, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 với số dư lần lượt là 152.616.291 đồng và 25.545.199 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu của số dư tiền mặt tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 nêu trên.

Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023, chỉ tiêu 215 trên Bảng cân đối kế toán có trình bày khoản cho Bà Lê Thị Phương vay tiền với số dư 3.400.000.000 đồng. Chúng tôi không thể thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc chuyển tiền cho khoản cho vay nêu trên do vậy chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu đối với khoản cho vay này trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023. Ngoài ra, trong năm bà Lê Thị Phương là cổ đông của Công ty, do đó khoản cho vay này không phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán hiện hành.



Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận khoản mục Tiền gửi ngân hàng với số tiền lần lượt là 14.022.572 đồng và 2.176.446 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến các khoản mục trên và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày.

Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến các khoản mục: Trả trước người bán ngắn hạn (Mã số 132), Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136), Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151), Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 152), Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153), Tài cố định vô hình (Mã số 227), Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (mã số 313), Phải trả người bán ngắn hạn (Mã số 311), Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Mã số 312), Phải trả người lao động (Mã số 314), Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) trên Bảng cân đối kế toán; khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01), Giá vốn hàng bán (Mã số 11), Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26), Chi phí khác (Mã số 32) trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp nhằm đánh giá các khoản mục này và ảnh hưởng nếu có đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2024-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHNKT: 5298-2026-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332.851.982	215.805.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27.721.645	166.638.863
1. Tiền	111		27.721.645	166.638.863
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	133.800.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		144.509.841	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(10.709.841)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.376.713	14.531.507
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	43.200.001	-
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	93.176.712	14.531.507
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.953.624	34.634.817
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	9.300.945	8.792.799
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.792.839	7.982.178
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	17.859.840	17.859.840
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.080.636.862	162.517.166.502
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.400.000.000	3.400.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	3.400.000.000	3.400.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.241.012.862	1.677.542.502
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	-	375.000.000
- Nguyên giá	222		-	1.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(1.125.000.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	1.241.012.862	1.302.542.502
- Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(420.287.138)	(358.757.498)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	157.439.624.000	157.439.624.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.439.624.000	157.439.624.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.413.488.844	162.732.971.689


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.652.285	30.000.000
I. Nợ ngắn hạn	310		83.652.285	30.000.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	12.000.000	-
3. Phải trả người lao động	314		13.000.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	30.000.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	40.652.285	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.329.836.559	162.702.971.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	162.329.836.559	162.702.971.689
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>253.500.000.000</i>	<i>253.500.000.000</i>
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(91.170.163.441)	(90.797.028.311)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>(90.797.028.311)</i>	<i>(90.209.277.122)</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>(373.135.130)</i>	<i>(587.751.189)</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.413.488.844	162.732.971.689


Đinh Thị Minh Thuận
 Người lập biểu


Đinh Thị Minh Thuận
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Bình
 Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	478.067.948	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		478.067.948	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	457.745.127	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.322.821	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	432.348.400	15.988.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	70.735.733	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.511.694	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	687.413.672	459.908.949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(305.478.184)	(443.920.263)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	67.656.946	143.830.926
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(67.656.946)	(143.830.926)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40 + 30)	50		(373.135.130)	(587.751.189)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(373.135.130)	(587.751.189)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(15)	(23)


Đinh Thị Minh Thuận
Người lập biểu


Đinh Thị Minh Thuận
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(373.135.130)	(587.751.189)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.06	155.279.640	249.029.640
- Các khoản dự phòng	03		10.709.841	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(340.692.859)	(14.531.507)
- Chi phí lãi vay	06		9.511.694	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(538.326.814)	(353.253.056)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(124.630.662)	36.017.822
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.488.306	(380.685.512)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(508.146)	(4.720.466)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(144.509.841)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(804.487.157)	(702.641.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		213.636.364	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.400.000.000)
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		411.281.290	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		624.917.654	(3.400.000.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	V.09	640.370.810	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.09	(599.718.525)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.652.285	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(138.917.218)	(4.102.641.212)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		166.638.863	4.269.280.075
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	27.721.645	166.638.863

Đinh Thị Minh Thuận

Người lập

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Đinh Thị Minh Thuận

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TOP ONE., JSC

Mã chứng khoán: TOP (UpCom)

Trụ sở chính: Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Nay là Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 08 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền		
Tiền mặt	25.545.199	152.616.291
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.176.446	14.022.572
Cộng	27.721.645	166.638.863

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	144.509.841	133.750.000	(10.759.841)	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa - Mã CK: BTP	144.269.841	133.560.000	(10.709.841)	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long - Mã CK: VLF	240.000	190.000	(50.000)	-	-	-
	144.509.841	133.750.000	(10.759.841)	-	-	-

* Số cổ phiếu nắm giữ tại BTP ngày 31/12/2023 là: 8.400 CP

* Giá đóng cửa sàn HOSE mã BTP tại ngày 31/12/2023 là: 15.900 đồng

* Số cổ phiếu nắm giữ tại VLF ngày 31/12/2023 là: 200 CP

* Giá trung bình tháng 12 sàn UpCom mã VLF là: 950 đồng

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	157.439.624.000		-	157.439.624.000		
- Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	122.879.624.000		-	122.879.624.000		
- Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	17.280.000.000		-	17.280.000.000		
- Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	17.280.000.000		-	17.280.000.000		
Cộng	157.439.624.000	-	-	157.439.624.000	-	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

2.1. Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Tổ 1 - Thị trấn Việt Lâm - Huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn tổng hợp (trừ những ngành nghề nhà nước cấm), chế biến thực phẩm. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

(1) Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

(2) Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.

(3) Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.

(4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng ngày 04/02/2023 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

2.2. Các Công ty liên kết còn lại

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Các khoản đầu tư tài chính nêu trên được Hội đồng quản trị phê duyệt số 1206/2020/TOP/NQ-HĐQT ngày 12/06/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	43.200.000	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	1	-	-	-
Cộng	43.200.001	-	-	-

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
Bà Lê Thị Phương (*)	3.400.000.000	-	3.400.000.000	-
Cộng	3.400.000.000	-	3.400.000.000	-

(*) Phải thu từ cho vay với bà Lê Thị Phương theo Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV - TOP ngày 15/12/2022, số tiền 3.400.000.000 đồng, cho vay không tài sản đảm bảo, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 19/12/2022 đến ngày 19/12/2027.

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Ký quỹ ký cược	26.000.000	-	-	-
Lãi dự thu cho vay	35.676.712	-	14.531.507	-
Phải thu ngắn hạn khác	31.500.000	-	-	-
Cộng	93.176.712	-	14.531.507	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.500.000.000	1.500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.125.000.000	1.125.000.000
Khấu hao trong năm	93.750.000	93.750.000
Thanh lý, nhượng bán	1.218.750.000	1.218.750.000
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	375.000.000	375.000.000
Tại ngày cuối năm	-	-

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.661.300.000	1.661.300.000
Số dư cuối năm	1.661.300.000	1.661.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	358.757.498	358.757.498
- Khấu hao trong năm	61.529.640	61.529.640
Số dư cuối năm	420.287.138	420.287.138
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.302.542.502	1.302.542.502
Tại ngày cuối năm	1.241.012.862	1.241.012.862

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:0
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:0

(*) 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00097 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.

+ Diện tích:2604m²

+ Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất

+ Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

(*) 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01140 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.

+ Diện tích:8318 m²

+ Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất

+ Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn		
Các khoản khác	9.300.945	8.792.799
Cộng	9.300.945	8.792.799

9. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn (*)	40.652.285	40.652.285	-	-
Cộng	40.652.285	40.652.285	-	-

(*) Khoản vay margin từ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, phát sinh nhằm phục vụ hoạt động đầu tư chứng khoán.

10. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Báo Tuổi Trẻ	18.000.000	18.000.000	-	-
Cộng	18.000.000	18.000.000	-	-

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Blue Ocean CPT - Chi nhánh Hà Nội	12.000.000	-
Cộng	12.000.000	-

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	4.801.199	4.801.199	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.043.310	3.043.310	-
Cộng	-	7.844.509	7.844.509	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**b) Phải thu**

Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.859.840	-	-	17.859.840
Cộng	17.859.840	-	-	17.859.840

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp:**Thuế giá trị gia tăng:**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ bán hàng hóa	8% và 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn		
Các khoản khác	-	30.000.000
Cộng	-	30.000.000

14. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	253.500.000.000	(90.209.277.122)	163.290.722.878
Lỗ trong năm trước	-	(587.751.189)	(587.751.189)
Số dư cuối năm trước	253.500.000.000	(90.797.028.311)	162.702.971.689
Số dư đầu năm nay	253.500.000.000	(90.797.028.311)	162.702.971.689
Lỗ trong năm nay	-	(373.135.130)	(373.135.130)
Số dư cuối năm nay	253.500.000.000	(91.170.163.441)	162.329.836.559

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Trần Hồng Tài	62.368.000.000	24,60%	62.368.000.000	24,60%
Các cổ đông khác	191.132.000.000	75,40%	191.132.000.000	75,40%
Cộng	253.500.000.000	100,00%	253.500.000.000	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp cuối năm	253.500.000.000	253.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng	478.067.948	-
Cộng	478.067.948	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn hàng bán	457.745.127	-
Cộng	457.745.127	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	408.228.400	15.988.686
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.120.000	-
Cộng	432.348.400	15.988.686

4. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lỗ từ hoạt động bán cổ phiếu	50.245.123	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	10.709.841	-
Chi phí lãi vay	9.511.694	-
Chi phí tài chính khác	269.075	-
Cộng	70.735.733	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên	191.800.000	150.440.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.584.688	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.279.640	249.029.640
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	4.590.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.912.963	37.128.168
Chi phí khác bằng tiền	121.836.381	18.720.341
Cộng	687.413.672	459.908.949

6. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	67.613.636	-
Các khoản bị phạt	43.310	-
Chi phí khác	-	143.830.926
Cộng	67.656.946	143.830.926

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(373.135.130)	(587.751.189)
Các khoản điều chỉnh tăng	43.310	143.830.926
- Chi phí không được trừ	43.310	143.830.926
Thu nhập chịu thuế TNDN	(373.091.820)	(443.920.263)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận thuần sau thuế	(373.135.130)	(587.751.189)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(373.135.130)	(587.751.189)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15)	(23)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	457.745.127	-
Chi phí nhân công	191.800.000	150.440.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.279.640	249.029.640
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	4.590.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.912.963	37.128.168
Chi phí khác bằng tiền	158.421.069	18.720.341
Cộng	1.145.158.799	459.908.949

10. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2023	01/01/2023		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	27.721.645	-		166.638.863	-
- Phải thu khác	93.176.712	-		14.531.507	-
- Các khoản cho vay	3.400.000.000	-		3.400.000.000	-
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	144.509.841	(10.709.841)		-	-
	3.665.408.198	(10.709.841)		3.581.170.370	-

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2023	01/01/2023
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		40.652.285	-
Phải trả người bán		18.000.000	-
Chi phí phải trả		-	30.000.000
		58.652.285	30.000.000

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.721.645	-	-	27.721.645
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.176.712	-	-	93.176.712
Các khoản cho vay	-	3.400.000.000	-	3.400.000.000
	120.898.357	3.400.000.000	-	3.520.898.357
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.638.863	-	-	166.638.863
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.531.507	-	-	14.531.507
Các khoản cho vay	-	3.400.000.000	-	3.400.000.000
	181.170.370	3.400.000.000	-	3.581.170.370

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	40.652.285	-	-	40.652.285
Phải trả người bán	18.000.000	-	-	18.000.000
	58.652.285	-	-	58.652.285
Tại ngày 01/01/2023				
Chi phí phải trả	30.000.000	-	-	30.000.000
	30.000.000	-	-	30.000.000

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những thông tin tài chính khác****Sự kiện liên quan đến vụ cháy kho tài liệu**

Ngày 31/03/2022, toàn bộ khu nhà kho lưu trữ hồ sơ của công ty cổ phần Phân phối Top One đã xảy ra vụ cháy khiến toàn bộ 2 tủ tài liệu bằng gỗ và tủ gỗ dài khiến toàn bộ hồ sơ tài liệu trong tủ bị cháy hết, hệ thống dây điện và một mặt lạnh điều hòa, trần và tường bị thủng và ám khói đen. Việc này đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư

Thông qua quá trình huy động vốn từ giai đoạn năm 2015 đến năm 2018 Công ty đã huy động tổng số vốn là 214.500.000.000 đồng.

Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.

Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng từ ngày 28/10/2022 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên. Đến tháng 4 năm 2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hà Giang đã thông báo tiếp nhận đơn tố giác tội phạm trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã kết thúc điều tra bổ sung và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xảy ra từ năm 2015 đến năm 2022 tại Công ty cổ phần phân phối Top One, địa chỉ: Tổ 1, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị truy tố đối với các bị can ra trước pháp luật gồm: bị can Đinh Văn Tạo, bị can Nguyễn Hữu Khá, bị can Nguyễn Thế Trinh, bị can Đỗ Xuân Long và bị can Vũ Thái về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam.

Ngày 03 tháng 09 năm 2025, theo thông báo số 53/TB-VKS-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành bản Cáo trạng số 82/CT-VKSTQ-P1 truy tố bị can Đinh Văn Tạo và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 04/09/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Cơ sở 2) đã chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Cơ sở 2) để xét xử theo thẩm quyền .

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, vụ án đang trong quá trình giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Vũ Đình Phúc

Ông Đặng Đức Lợi

Ông Chu Xuân Lai

Ông Lưu Quang Hưng

Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng

Ông Ngô Văn Hanh

Ông Trần Anh Tuấn

Ông Nguyễn Bình Minh

Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang

Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1

Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 16/04/2023)

Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 16/04/2023)

Thành viên HĐQT (Đến ngày 08/10/2023)

Thành viên HĐQT (Đến ngày 16/04/2023)

Thành viên HĐQT (Đến ngày 16/04/2023)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (Từ ngày 16/04/2023 đến ngày 08/10/2023)

Thành viên HĐQT (Từ ngày 16/04/2023)

Thành viên HĐQT (Từ ngày 08/10/2023)

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Giao dịch phát sinh trong năm:

Thu từ thanh lý TSCĐ

Ông Trần Anh Tuấn

Năm 2023

Năm 2022

213.636.364

-

213.636.364

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sách tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2022 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Đinh Thị Minh Thuận

Người lập

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026



Đinh Thị Minh Thuận

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc

